

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh và giao dự toán thu, chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND xã Thanh Yên về giao Về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025, chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các phòng, ban và cơ quan, đơn vị thuộc xã sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn xã Thanh Yên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Thanh Yên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các phòng, ban và cơ quan, đơn vị thuộc xã sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn xã Thanh Yên năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Thanh Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 xã Thanh Yên với nội dung chi tiết như các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Tài chính (B/c);
- TT: Đảng ủy, HĐND xã (B/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	91.413
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.910
1	Thu NSDP hưởng 100%	1.910
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	89.503
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	78.362
2	Thu bổ sung có mục tiêu	11.141
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
V	Thu huy động đóng góp	
B	TỔNG CHI NSDP	91.413
I	Tổng chi cân đối NSDP	80.272
1	Chi đầu tư phát triển	-
2	Chi thường xuyên	78.417
3	Dự phòng ngân sách	1.855
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	11.141
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.781
1.1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	1.781
	Vốn đầu tư	
	Vốn sự nghiệp	1.781
1.2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	-
	Vốn đầu tư	
	Vốn sự nghiệp	
1.3	CTMT quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số	-
	Vốn đầu tư	
	Vốn sự nghiệp	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	9.360
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	
I	Vay để bù đắp bội chi	
II	Vay để trả nợ gốc	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	3
A	NGÂN SÁCH CẤP XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	91.413
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.910
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	89.503
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	78.362
-	Thu bổ sung có mục tiêu	11.141
3	Thu đóng góp XD cơ sở HT	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	91.413
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	91.413
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP (1)	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN	2.058	2.058
I	Thu nội địa	2.058	2.058
1	Thu thuế ngoài quốc doanh	10	10
2.1	- Thuế GTGT	10	10
2.2	- Thuế TNDN	-	-
2.4	- Thuế TTĐB	-	-
3	Lệ phí trước bạ	600	600
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13	13
5	Thuế thu nhập cá nhân	280	280
6	Phí, lệ phí	260	260
	+ Ngân sách Trung ương hưởng	98	98
	+ Ngân sách phường hưởng	162	162
7	Thu tiền sử dụng đất, ĐGD	-	-
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	-	-
9	Thu khác ngân sách	60	60
	+ Ngân sách Trung ương hưởng	50	50
	+ Ngân sách phường hưởng	10	10
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	835	835
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
IV	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp xã
A	B	1	2
	TỔNG CHI NSDP	91.413	91.413
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	80.272	80.272
I	Chi đầu tư phát triển (1)	-	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	-	-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-
-	Chi khoa học và công nghệ	-	-
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	-
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-
	Chi đầu tư từ nguồn thu đấu giá đất	-	-
	Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-
II	Chi thường xuyên	78.417	78.417
	Trong đó:	-	-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	40.151	40.151
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	-	-
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	-	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-
V	Dự phòng ngân sách	1.855	1.855
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, TK 10% chi TX	-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	11.141	11.141
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.781	1.781
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	1.781	1.781
-	Vốn đầu tư	-	-
-	Vốn sự nghiệp	1.781	1.781
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	-	-
-	Vốn đầu tư	-	-
-	Vốn sự nghiệp	-	-
3	CTMT quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số	-	-
-	Vốn đầu tư	-	-
-	Vốn sự nghiệp	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	9.360	9.360
1	KP đảm bảo TTATGT	-	-
2	Xóa nhà tạm nhà dột nát	8.940	8.940
2	Đề án hỗ trợ nhà ở đối với Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn	420	420
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NSDP	91.413,000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	91.413,000
I	Chi đầu tư phát triển (2)	- ,000
1	Chi đầu tư cho các dự án	- ,000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư từ nguồn ĐGD, thu tiền SDD	
4	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	78.417,000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	40.583,000
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	83,000
-	Chi quốc phòng	1.725,544
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.560,934
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin	907,323
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	306,980
-	Chi bảo vệ môi trường	684,800
-	Chi các hoạt động kinh tế	2.365,180
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.162,084
-	Chi bảo đảm xã hội	4.038,775
-	Chi thường xuyên khác	999,380
III	Chi các chương trình mục tiêu	11.141,000
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (3)	
V	Dự phòng ngân sách	1.855,000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	91.413,00	-	78.417,00	-	-	1.855,00	-	11.141,00	1.781,00	9.360,00	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	89.558,00	-	78.417,00	-	-	-	-	11.141,00	1.781,00	9.360,00	-
1	Văn phòng Đảng ủy	4.082,00		4.082,00					-			
2	Ủy ban MTTQ xã	2.619,00		2.619,00					-			
3	Văn phòng HĐND - UBND xã	5.683,00		5.683,00					-			
4	Phòng Kinh tế	25.192,91		16.031,91					9.161,00	71,00	9.090,00	
5	Phòng Văn hóa- Xã hội	5.370,06		5.100,06					270,00		270,00	
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	449,00		449,00					-			
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	866,00		866,00					-			
8	Trường MN số 1 Thanh Yên	2.835,00		2.835,00					-			
9	Trường MN số 2 Thanh Yên	2.947,00		2.947,00					-			
10	Trường MN Noong Luống	4.861,00		4.861,00					-			
11	Trường MN Pa Thom	2.472,00		2.472,00					-			
12	Trường Tiểu học Thanh Yên	6.126,00		6.126,00					-			
13	Trường Tiểu học Noong Luống	6.865,00		6.865,00					-			
14	Trường THCS Thanh Yên	4.497,00		4.497,00					-			
15	Trường THCS Noong Luống	4.107,00		4.107,00					-			
16	Trường TH & THCS Pa Thom	5.441,00		5.441,00					-			
17	Nguồn kinh phí chi thường xuyên khác chưa phân bổ	5.145,03		3.435,03					1.710,00	1.710,00		
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)	-							-			

in

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Biểu số 88/CK-NSNN

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi KHCN	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội, quốc phòng	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế					Chi hoạt động của cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi CTMT, nhiệm vụ khác	Chi thường xuyên khác, chi khác
												Tổng cộng	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Sự nghiệp thủy lợi	Sự nghiệp kinh tế khác				
	Tổng cộng	91.143,00	44.320,28	-	1.744,04	1.560,93	-	907,32	-	306,98	684,80	365,18	9,50	-	240,50	115,18	25.160,65	4.038,77	10.871,00	5.290
I	Kinh phí giao cho các đơn vị dự toán	84.142,97	44.320,28	-	1.744,04	1.560,93	-	907,32	-	306,98	684,80	365,18	9,50	-	240,50	115,18	25.160,65	4.038,77	9.161,00	-
1	Văn phòng Đảng ủy	4.082,00										-					4.082,00			
2	Ủy ban MTTQ	2.619,00										-					2.619,00			
3	Văn phòng HĐND-UBND	5.683,00			609,50	768,00						-					4.305,50			
4	Phòng Kinh tế	25.192,91	62,28	-	1.134,54	792,93	-	158,26	-	56,98	684,80	365,18	9,50	-	240,50	115,18	12.297,15	479,77	9.161,00	-
	- Quản lý NN	1.710,10										-					1.639,10		71,00	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	240,50										240,50			240,50					
	- Giao thông đường bộ	9,50										9,50	9,50							
	- Sự nghiệp môi trường	650,00									650,00									
	- Đảm bảo xã hội	2.477,90										-						167,90	2.310,00	
	- Kinh phí đã chi 6 tháng đầu năm của 5 xã cũ	20.104,91	62,28		1.134,54	792,93		158,26		56,98	34,80	115,18		-		115,18	10.658,05	311,87	6.780,00	
5	Phòng Văn hóa - xã hội	5.100,06						133,06				-					1.408,00	3.559,00		
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	449,00										-					449,00			
7	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	866,00						616,00		250,00		-								
8	Trường MN số 1 Thanh Yên	2.835,00	2.835,00									-								
9	Trường MN số 2 Thanh Yên	2.947,00	2.947,00									-								
10	Trường MN Noong Luống	4.861,00	4.861,00									-								
11	Trường MN Pa Thom	2.472,00	2.472,00									-								
12	Trường Tiểu học Thanh Yên	6.126,00	6.126,00									-								
13	Trường Tiểu học Noong Luống	6.865,00	6.865,00									-								
14	Trường THCS Thanh Yên	4.497,00	4.497,00									-								
15	Trường THCS Noong Luống	4.107,00	4.107,00									-								
16	Trường TH & THCS Pa Thom	5.441,00	5.441,00									-								
II	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết	7.000,03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.710,00	5.290,03
1	Chi thường xuyên	3.435,03																		3.435,03
2	Dự phòng ngân sách	1.855,00																		1.855,00
3	Chương trình MTQG	1.710,00																	1.710,00	

ĐỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM						Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số								
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước							
A	B	1= +3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	18=19+22	19=20+21	20	21	22=23+24	23	24
	TỔNG SỐ	71	0	71	71	0	0	0	71	71	0														
1	Phòng Kinh tế	71	0	71	71	0			71	71															

102